Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 1201.10.00

Mã HS	1201.10.00
Mô tả hàng hóa	Đậu tương, đã hoặc chưa vỡ mảnh / - Hạt giống
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	07/11/2026 10:29:53
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/12011000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K1658
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N1658
Thuế GTGT (VAT)	*/8/10	* / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q1658
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E1634
ATIGA	2022	2022	0	AT!E1635
ATIGA	2023	2023	0	AT!F1635
ATIGA	2024	2024	0	AT!G1635
ATIGA	2025	2025	0	AT!H1635
ATIGA	2026	2026	0	AT!I1635
ATIGA	2027	2027	0	AT!J1635
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E1637
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F1637

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G1637
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H1637
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I1637
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J1637
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E1639
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F1639
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G1639
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H1639
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I1639
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J1639
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F1641
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H1637
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F1637
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G1637
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H1637
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I1637
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J1637
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K1637
VKFTA	2022	2022	0	VK!E1635
VKFTA	2023	2023	0	VK!F1635
VKFTA	2024	2024	0	VK!G1635
VKFTA	2025	2025	0	VK!H1635
VKFTA	2026	2026	0	VK!I1635
VKFTA	2027	2027	0	VK!J1635
VCFTA	2022	2022	0	VC!D1648
VCFTA	2023	2023	0	VC!E1648

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F1648
VCFTA	2025	2025	0	VC!G1648
VCFTA	2026	2026	0	VC!H1648
VCFTA	2027	2027	0	VC!I1648
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D1645
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E1645
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F1645
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G1645
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H1645
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I1645
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D1653
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E1653
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F1653
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G1653
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H1653
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I1653
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D1636
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E1636
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F1636
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G1636
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H1636
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I1636
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D1638
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E1638
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F1638
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G1638

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H1638
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I1638
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D1636
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E1636
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F1636
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G1636
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H1636
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I1636
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J1636
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D1639
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E1639
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F1639
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G1639
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H1639
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I1639
RCEP B	2022	2022	0	B!D1639
RCEP B	2023	2023	0	B!E1639
RCEP B	2024	2024	0	B!F1639
RCEP B	2025	2025	0	B!G1639
RCEP B	2026	2026	0	B!H1639
RCEP B	2027	2027	0	B!I1639
RCEP C	2022	2022	0	C!D1639
RCEP C	2023	2023	0	C!E1639
RCEP C	2024	2024	0	C!F1639
RCEP C	2025	2025	0	C!G1639
RCEP C	2026	2026	0	C!H1639

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I1639
RCEP D	2022	2022	0	D!D1639
RCEP D	2023	2023	0	D!E1639
RCEP D	2024	2024	0	D!F1639
RCEP D	2025	2025	0	D!G1639
RCEP D	2026	2026	0	D!H1639
RCEP D	2027	2027	0	D!I1639
RCEP E	2022	2022	0	E!D1641
RCEP E	2023	2023	0	E!E1641
RCEP E	2024	2024	0	E!F1641
RCEP E	2025	2025	0	E!G1641
RCEP E	2026	2026	0	E!H1641
RCEP E	2027	2027	0	E!I1641
RCEP F	2022	2022	0	F!D1639
RCEP F	2023	2023	0	F!E1639
RCEP F	2024	2024	0	F!F1639
RCEP F	2025	2025	0	F!G1639
RCEP F	2026	2026	0	F!H1639
RCEP F	2027	2027	0	F!I1639
VIFTA	2024	2024	0	VI!F1553
VIFTA	2025	2025	0	VI!G1553
VIFTA	2026	2026	0	VI!H1553
VIFTA	2027	2027	0	VI!I1553

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-003	YELLOW	Kiểm dịch	Chính sách mặt hàng: Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)		01/2024/TT-BNNPTNT	Đăng ký kiểm dịch động/thực vật theo quy định.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 1201.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 1201.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N1658), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
Kiểm dịch thực vật (01/2024/TT-BNNPTNT M9)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.